


PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

<u>Phiếu An Toàn Hóa Chất</u>	Logo của doanh nghiệp
Tên sản phẩm <u>FERRIC CHLORIDE (FeCl₃)</u>	
Số CAS: 7705 - 08 - 0 Số UN: 1773 Số đăng ký EC: không có Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: không có Số đăng ký danh mục Quốc gia khác: không có	

PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

- Tên thường gọi của chất: Sắt III Clorua	Mã sản phẩm: không có
- Tên thương mại: FERRIC CHLORIDE	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp: Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang - Địa chỉ : Tổ 19 - Thượng Thanh - Long Biên - Hà Nội - Văn phòng - Kho hàng : Lô 4, đường TS 25, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh. ĐT:0241 - 3745 339 Fax : 0241 - 3745 338	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Cty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang - Địa chỉ : Tổ 19 - Thượng Thanh - Long Biên - Hà Nội. ĐT: 04 38 273 831 0913.546.833 Fax : 04 36 559 856 - Văn phòng - Kho hàng : Lô 4, đường TS 25, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh. ĐT : 0241 - 3745 339 Fax : 0241 - 3745 338
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
- Mục đích sử dụng: làm nguyên phụ liệu	

PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sắt III Clorua	7705 - 08 - 0	FeCl ₃	98%

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm

1. Mức xếp loại nguy hiểm

Tỉ lệ SAF-T-DATA (để tham khảo):

Tiếp xúc: 4 - rất cao (ăn mòn). Sức khoẻ: 3 - Cao (độc). Dễ cháy: 0 - Không cháy. Phản ứng: 2 - Trung bình

2. Cảnh báo nguy hiểm

- **Tổng quan: Chất độc! Nguy hiểm! Chất ăn mòn.**

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Sàn nhà phải chống lại axit và có độ thấm tốt. Bảo vệ để tránh sự nguy hại về mặt cơ lí. Không lưu trữ cùng nhôm và mangan. Không trộn cùng axit hoặc chất hữu cơ. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: chất ăn mòn! Hơi nước gây kích ứng và có thể gây tổn thương mắt. Tiếp xúc có thể gây bỏng nặng và gây tổn thương mắt vĩnh viễn.

- Đường thở: Chất ăn mòn! Hít phải hơi có thể gây ra ho

- Đường da: Chất ăn mòn! gây dị ứng, đỏ rát hoặc bỏng nặng hoặc tạo thành sẹo. Dung dịch đặc có thể gây loét sâu và làm mất màu da.

- Đường tiêu hóa: Chất ăn mòn! Nếu nuốt phải có thể gây nguy hiểm cấp tính, cháy miệng, họng, thực quản, dạ dày-ruột. Có thể gây ra nhiều sẹo.

- Nếu tiếp xúc lâu dài với hơi cô đặc có thể gây mòn răng. Những sự tiếp xúc lâu dài hiếm khi xảy ra do sự ăn mòn của axit.

- Những người bị viêm da hay bị bệnh về mắt từ trước thì dễ bị ảnh hưởng hơn đối với những hiệu ứng của chất này.

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày... bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kĩ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxi. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

- Nếu nuốt phải, không được nôn ra, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước hoặc sữa. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị: không có thông tin

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy: Không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Chất này khi nung chảy mạnh hoặc tiếp xúc với kim loại tạo thành khí hydro dễ cháy.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: Không được coi là chất dễ nổ.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Sử dụng nước phun. Trung hoà với soda khan hay vôi đã tôi.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Nếu cháy, mặc quần áo bảo hộ NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn. Có thể phun nước để làm mát thùng chứa. Tránh xa những thùng chứa. Phun nước để làm mát thùng chứa tới khi nào lửa tắt.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Có thể phản ứng mạnh với kim loại tạo thành khí hydro dễ cháy.

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Làm thông thoáng nơi rò rỉ hoặc tràn ra. Loại bỏ các nguồn cháy. Ngăn chặn sự tràn thêm của hoá chất này. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Không cho những người liên quan vào. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Không cho những người không liên quan vào khu vực xảy ra rò rỉ. Nếu tràn ra phải thu gom vào thùng chứa để xử lí. Có thể trung hoà nơi rò rỉ bằng nguyên liệu có tính kiềm hay đá vôi. Sau đó thẩm bằng nguyên liệu trơ như: cát khô, đất và đặt trong thùng chứa chất thải hoá chất. Không dùng những vật liệu dễ cháy như mùn cưa. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư.

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân theo tiêu chuẩn NIOSH: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH, nếu gấp 50 lần giới hạn tiếp xúc hay giới hạn nồng độ tối đa thì dùng loại mặt nạ N100 theo tiêu chuẩn NIOSH.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Làm thông thoáng nơi rò rỉ hoặc tràn ra. Loại bỏ các nguồn cháy. Ngăn chặn sự tràn thêm của hoá chất này. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Không cho những người liên quan vào. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Không cho những người không liên quan vào khu vực xảy ra rò rỉ. Nếu tràn ra phải thu gom vào thùng chứa để xử lí. Có thể trung hoà nơi rò rỉ bằng nguyên liệu có tính kiềm hay đá vôi. Sau đó thẩm bằng nguyên liệu trơ như: cát khô, đất và đặt trong thùng chứa hoá chất thải. Không dùng những vật liệu dễ cháy như mùn cưa. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng : 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư.

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân theo tiêu chuẩn NIOSH: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH, nếu gấp 50 lần giới hạn tiếp xúc hay giới hạn nồng độ tối đa thì dùng loại mặt nạ N100 theo tiêu chuẩn NIOSH.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

ri hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc với FeCl₃.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Khi hoà tan, luôn tuân thủ thêm FeCl₃ vào nước chứ không bao giờ được làm ngược lại. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm. Không lưu trữ cùng các chất kiềm. Không trộn cùng các loại axit hoặc chất hữu cơ.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết

- Sử dụng hệ thống thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc không khí: Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 2 mg/m³ tối đa. ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2 mg/m³ (TWA) tối đa

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ

- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH đảm bảo giới hạn tiếp xúc không khí sau:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư.

Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay

- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất

- Bảo vệ chân: giày bảo hộ hoặc ủng.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Bảo vệ mắt: kính bảo hộ

- Bảo vệ mặt: mặt nạ phòng độc theo tiêu chuẩn NIOSH đảm bảo giới hạn tiếp xúc không khí sau:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5ppm (tối đa)

- ACGIH giới thiệu giá trị ngưỡng: 2ppm (tối đa), được xếp vào nhóm A4-không phải là chất gây ung thư.

Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc bị vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, sử dụng mặt nạ phòng độc có tiếp xúc không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

- Bảo vệ thân thể: quần áo dài tay

- Bảo vệ tay: găng tay an toàn hoá chất

- Bảo vệ chân: giày bảo hộ hoặc ủng

4. Các biện pháp vệ sinh: Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm.

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: Tinh thể	Điểm sôi (°C): 306°C Phân huỷ 317°C
Màu sắc: màu đỏ lựu	Điểm nóng chảy (°C): 306°C
Mùi đặc trưng: mùi hăng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 190 ở 25°C (77°F)	Nhiệt độ tự cháy (°C) : không có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: >1,0	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có
Độ hòa tan trong nước: tan vô hạn trong nước toả nhiệt mạnh	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có
Độ pH: đối với dung dịch FeCl ₃ : 0.1 (0.1N), 1.1 (1.0N), 2.02 (0.01N)	% bay hơi theo thể tích 100°C
Khối lượng riêng (kg/m ³) :	Trọng lượng phân tử: 162,22

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định

Ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường.

2. Khả năng phản ứng

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: khi được nung nóng tới nhiệt độ phân hủy sẽ sinh ra khí độc hiđro clorua (HCl) sẽ phản ứng với nước hay hơi sinh ra nhiệt, khí độc, khí ăn mòn. Trong quá trình phân huỷ oxi hoá nhiệt sẽ sinh ra khí độc clo và khí hydro dễ nổ.

- Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

- Phản ứng tương khắc: FeCl₃ cô đặc tương khắc với rất nhiều chất và phản ứng mạnh với các bazơ mạnh, kim loại, Hy-đrô-xít, cacbonat và những nguyên liệu có tính kiềm khác.

- Nên tránh: nhiệt, ánh sáng mặt trời.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sắt III Clorua	LC50	3124ppm/1giờ	đường hô hấp	Chuột
Sắt III Clorua	LD50	900mg/kg	miệng	Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người

Nghiên cứu **Sắt III Clorua** trên Thỏ là tác nhân gây đột biến, gây ung thư, gây ảnh hưởng đến sinh sản kết quả theo bảng sau:

-----\Gây ung thư \-----

Thành phần	---Chất sinh gây ung thư NTP ---		
	Đã có	Sẽ có	IARC
Sắt III Clorua : 7705 - 08 - 0	Không	Không	3
Nước (7732-18-5)	Không	Không	Không

2. Các ảnh hưởng độc khác: nguyên liệu này độc cho môi trường thủy

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu ký ảnh hưởng	Kết quả
Sắt III Clorua	Chuột	3124ppm/1giờ	Không gây đột biến, gây ung thư, gây ảnh hưởng đến sinh sản
Sắt III Clorua	Thỏ	900mg/kg	Không gây đột biến, gây ung thư, gây ảnh hưởng đến sinh sản

PHU LUC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

2. Tác động trong môi trường
 - Mức độ phân hủy sinh học: Khi vào trong đất, nguyên liệu này có thể sẽ không thoái biến sinh học. Khi vào trong đất, nguyên liệu này có thể ngấm vào mạch nước ngầm.
 - Chỉ số BOD và COD: không có thông tin
 - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
 - Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: nguyên liệu này độc cho môi trường thủy

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
 - Xử lý, tái chế rác thải theo luật định của địa phương, quốc gia, liên bang. Tiêu hủy cả những thùng chứa, và chất còn lại khi không sử dụng
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: không có thông tin
3. Biện pháp tiêu hủy
 - Coi như rác thải nguy hại và gửi cho công ty xử lý rác thải được cấp phép đảm bảo tiêu chuẩn RCRA. Trong quá trình xử lý, tùy vào việc sử dụng hay nhiễm bẩn của sản phẩm này có thể thay đổi phương pháp quản lý chất thải.
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: không có thông tin

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, hàng hiểm	nhóm nguy	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN Nội địa: Đất, D.O.T	1773	FERRIC CHLORIDE	Xếp loại nguy hiểm: 8		Đóng thùng sắt	không có thông tin	475LB Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn thận trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA... - Quốc tế: nước, I.M.O	1773	FERRIC CHLORIDE	Xếp loại nguy hiểm: 8			không có thông tin	475LB Là hoá chất nguy hiểm, khi sử dụng nên cẩn thận trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng.

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới

Mục rủi ro và An toàn: C
 Biểu tượng: 34-37
 Rủi ro:
 An toàn: (1/2-) 26-45

-----\ Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 1\-----

Thành phần	TSCA	EC	Japan
Australia			
Sắt III Clorua (7705 – 08 – 0)	Có	Có	Có
Nước (7732-18-5)	Có	Có	Có

-----\ Tình trạng khai báo hoá chất - Phần 2\-----

PHU LUC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

Thành phần Phil.	--Canada-- Korea DSL NDSL			
-----	----	---	----	----
Sắt III Clorua (7705 – 08 – 0) Nước (7732-18-5)	Có Có	Có Có	Không Không	Có Có
-----\ Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 1\-----	-----			
-	-SARA 302-		-----SARA 313-----	
-				
Thành phần Catg.	RQ	TPQ	List	Chemical
-----	---	----	---	-----
Sắt III Clorua (7705 – 08 – 0) Nước (7732-18-5)	5000 Không	500* Không	Có Không	Không Không
-----\ Quy định Liên bang, Quốc gia, Quốc tế - Phần 2\-----	-----			
Thành phần	CERCLA		-RCRA- 261.33	-TSCA- 8(d)
-----	-----	-----	-----	-----
Axit clohydric (7647-01-0) Nước (7732-18-5)	5000 Không		Không Không	Không Không
Hiệp ước vũ khí hoá học: Không	TSCA 12(b): Không		CDTA: Có	
SARA 311/312: Độc cấp tính: Có	Độc mãn tính: Có	Cháy: Không	Áp suất: Không	
Phản ứng: Không (Hợp chất / Chất lỏng)				
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: theo thông tin đăng kí, khai báo trên				

PHỤ LỤC 5 - MẪU PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp

PHẦN XVI: Thông tin khác

Tỷ lệ NFPA:

- Sức khoẻ: 3
- Phản ứng: 1
- Dễ cháy: 0

Tem cảnh báo nguy hiểm:

Chất độc! Nguy hiểm! Chất ăn mòn.

Tem an toàn:

- Không để hoá chất bắn vào mắt, da, quần áo.
- Không hít phải hơi hay sương.
- Giữ các thùng chứa luôn kín.
- Sử dụng hệ thống thông gió tốt.
- Rửa tay ngay sau khi sử dụng.
- Phải giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi đưa vào sử dụng lại.

Tem sơ cứu:

- Nếu nuốt phải, không được gây nôn, giữ thật thoải mái. Sau đó uống một lượng nước lớn. Trong trường hợp tiếp xúc: rửa mắt hoặc da bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Tháo bỏ hết quần áo, giày... bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Nếu tiếp xúc qua đường hô hấp: chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Phải có sự chăm sóc y tế trong mọi trường hợp tiếp xúc.

Mục đích sử dụng: là chất phản ứng, toả nhiều nhiệt khi hoà tan.

Thông tin sửa đổi: số lần sửa đổi: 0

Ngày tháng biên soạn phiếu: 01/01/2010

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hoá Chất Công Nghiệp Đức Giang

L- u ý ng- òi đ- ọc :

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này đ- ợc biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải đ- ợc sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn, tuy nhiên chúng tôi không thể đảm bảo cho sự an toàn một cách tuyệt đối. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc. Trách nhiệm của ng- òi sử dụng là phải biết áp dụng, xác định những thông tin cần thiết và sử dụng chúng thật thận trọng trong từng mục đích.

CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT CÔNG NGHIỆP ĐỨC GIANG